Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp: …….

Đọc: …….

Mini test: …….

AT THE PARTY - VOCABULARY & SHORT SPEECH

A. VOCABULARY

❖ **Party**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**costume** (n)	trang phục	5	**tie** (n)	cà vạt
2	**dress** (n)	váy	6	**headband** (n)	băng đô
3	**suit** (n)	âu phục	7	**bow tie** (n)	nơ bướm
4	**crown** (n)	vương miện	8	**invite** (v)	mời, rủ

❖ **Extra vocabulary**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**kitten** (n)	mèo con	3	**witch** (n)	phù thuỷ
2	**puppy** (n)	chó con			

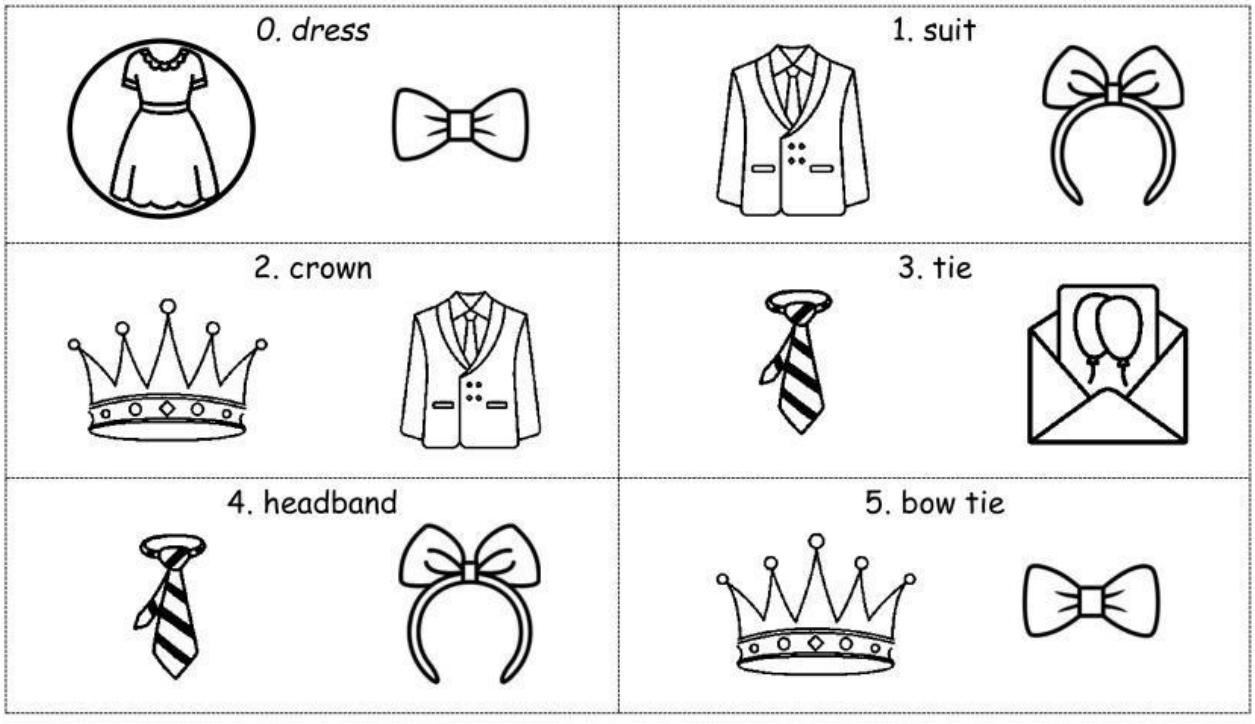
**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Circle the correct pictures that match the given words.

(Con hãy khoanh tròn bức tranh phù hợp với từ vựng cho sẵn.)

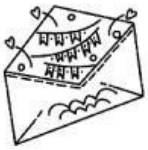


LIVEWORKSHEETS

II. Look, read and fill in the blanks with the given words.

(Con hãy nhìn hình, đọc câu và điền từ vựng phù hợp vào chỗ trống.)

costume	invite	~~tie~~	dress	bow tie	crown

	0. My dad wears a(n) <u>tie</u>.		3. My dad wears a(n) _____ at the wedding.
	1. I want to _____ my friend to the party.		4. She is wearing a witch _____.
	2. The girl has a(n) _____ on her head.		5. She is wearing a blue _____.

III. Reorder the words/phrases to form suitable sentences.

(Sắp xếp lại các từ/cụm từ để tạo thành câu phù hợp.)

0. opened / She / the window.

→ <u>She opened the window.</u>

1. didn't play / We / in / the garden.

→ _____

2. the car. / They / stopped

→ _____

3. last weekend. / their friends / Mike and Tom / visited

→ _____

4. the market. / to / My sister / didn't walk

→ _____

5. big company. / worked / My dad / in a

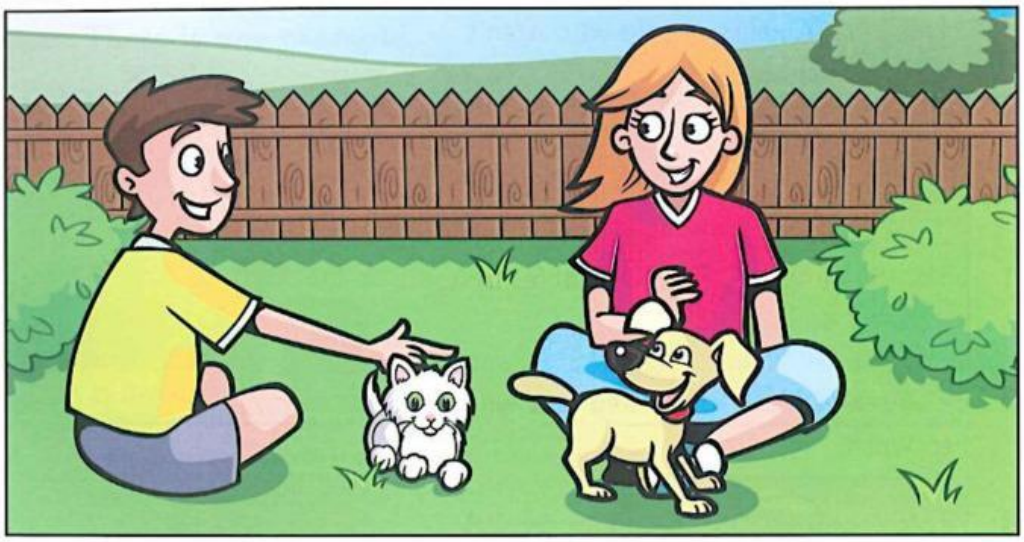
→ _____

LIVEWORKSHEETS

Part 2

– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



Fred and Vicky are talking about their pets.

Example

Fred: Our new kitten is so funny!

Vicky:
A Do they laugh?
(B) Is it?
C Are those new?

Questions

1 **Vicky:** Why is your kitten funny?

Fred:
A You all smiled.
B It loves hiding.
C I can't tell them.

LIVEWORKSHEETS

2 **Vicky:** Does your kitten like playing games?

Fred:
A Yes, that's right.
B No, I can't today.
C OK, let's do that.

3 **Vicky:** What's your kitten's favourite toy?

Fred:
A By that red blanket.
B It's another one.
C A big, round ball.

4 **Fred:** How old is your puppy now, Vicky?

Vicky:
A It's the biggest one.
B Twelve weeks.
C It's great, thanks.

5 **Fred:** Does your puppy sleep outside?

Vicky:
A Yes, we can do that.
B Its bed is very small.
C No, it's too young.

6 **Fred:** I'd like to have another pet.

Vicky:
A Me too!
B How often?
C Well done!

LIVEWORKSHEETS